

AE.82150 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (13 x 15 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 13 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8215	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	118	118	118	118
		Vữa	m ³	0,132	0,132	0,132	0,132
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,73	1,79	1,96	2,04
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,019	0,019	0,019	0,019
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82160 XÂY TƯỜNG THĂNG GẠCH (10 x 15 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8216	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	153	153	153	153
		Vữa	m ³	0,134	0,134	0,134	0,134
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,84	1,89	2,08	2,17
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,019	0,019	0,019	0,019
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82170 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (9 x 15 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 9 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8217	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	170	170	170	170
		Vữa	m ³	0,132	0,132	0,132	0,132
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,89	1,95	2,14	2,24
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,019	0,019	0,019	0,019
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82180 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (20 x 13 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8218	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	77	77	77	77
		Vữa	m ³	0,109	0,109	0,109	0,109
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,55	1,60	1,76	1,83
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,015	0,015	0,015	0,015
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82190 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (17 x 13 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 17 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8219	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	103	103	103	103
		Vữa	m ³	0,144	0,144	0,144	0,144
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,71	1,77	1,94	2,02
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,020	0,020	0,020	0,020
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82200 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (15 x 13 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8220	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	116	116	116	116
		Vữa	m ³	0,147	0,147	0,147	0,147
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,72	1,78	1,95	2,03
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,021	0,021	0,021	0,021
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82210 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (14 x 13 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 14 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8221	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	125	125	125	125
		Vữa	m ³	0,144	0,144	0,144	0,144
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,78	1,83	2,01	2,10
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,021	0,021	0,021	0,021
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82220 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (12 x 13 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 12 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8222	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	145	145	145	145
		Vữa	m ³	0,146	0,146	0,146	0,146
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,82	1,87	2,05	2,15
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,021	0,021	0,021	0,021
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82230 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (10 x 13 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8223	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	174	174	174	174
		Vữa	m ³	0,147	0,147	0,147	0,147
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,93	1,98	2,17	2,27
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,021	0,021	0,021	0,021
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82240 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (8 x 13 x 39)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 8 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8224	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	218	218	218	218
		Vữa	m ³	0,146	0,146	0,146	0,146
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,97	2,03	2,23	2,32
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,021	0,021	0,021	0,021
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82250 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (10,5 x 13 x 22)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8225	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	288	288	288	288
		Vữa	m ³	0,167	0,167	0,167	0,167
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,99	2,05	2,25	2,34
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,023	0,023	0,023	0,023
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82260 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (10,5 x 6 x 22)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8226	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	546	546	546	546
		Vữa	m ³	0,267	0,267	0,267	0,267
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,25	2,31	2,54	2,65
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,034	0,034	0,034	0,034
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82270 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (10 x 6 x 21)cm
Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8227	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	600	600	600	600
		Vữa	m ³	0,270	0,270	0,270	0,270
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,38	2,45	2,69	2,80
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,034	0,034	0,034	0,034
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

AE.82280 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH (9,5 x 6 x 20)cm
Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 9,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.8228	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	658	658	658	658
		Vữa	m ³	0,274	0,274	0,274	0,274
		Vật liệu khác	%	4	4	4	4
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,47	2,55	2,79	2,92
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,035	0,035	0,035	0,035
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				1	2	3	4

Ghi chú:

Đối với công tác xây tường gạch bê tông mã hiệu AE.82260, AE.82270, AE.82280. Trường hợp xây các bộ phận kết cấu khác thì mức hao phí nhân công được nhân với hệ số 1,2.

AE.83000 XÂY TƯỜNG THÔNG GIÓ

Đơn vị tính: 1m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Gạch thông gió	
				20 x 20 cm	30 x 30 cm
AE.83	Xây tường thông gió	<i>Vật liệu</i>			
		Gạch thông gió	viên	25,5	11,5
		Vữa	m ³	0,006	0,0057
		Vật liệu khác	%	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,59	0,65
				110	210

AE.84000 XÂY TƯỜNG GẠCH SILICÁT (6,5 x 12 x 25)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (cm)			
				≤ 33		>33	
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 6	≤ 28
AE.84	Xây tường gạch silicat	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	424	424	416	416
		Vữa	m ³	0,267	0,267	0,271	0,271
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,12	2,27	1,81	1,99
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy trộn vữa 150l	ca	0,034	0,034	0,034	0,034
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	-	0,012
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	-	0,012
		Máy khác	%	0,5	0,5	0,5	0,5
				110	120	210	220

AE.85000 ÷ AE.87000 XÂY GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP (AAC) BẰNG VỮA XÂY BÊ TÔNG NHẸ

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, lắp và tháo dỡ dàn giáo xây, trộn vữa xây bê tông nhẹ, cưa, cắt gạch, xây theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Vận chuyển vật liệu trong phạm vi 30m. (Vật liệu làm dàn giáo đã tính trong định mức).

- Định mức chưa bao gồm công tác sản xuất lắp dựng râu thép, thép giằng gia cố.

AE.85100 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (7,5 x 10 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 7,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.851	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	212	212	212	212
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,43	1,56	1,72	1,80
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thẳng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.851	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	209	209	209	209
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,077	0,077	0,077	0,077
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,40	1,53	1,68	1,75
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.85200 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (10 x 10 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.852	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	159	159	159	159
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,34	1,46	1,61	1,67
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

AE.85300 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (12,5 x 10 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 12,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.853	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	127	127	127	127
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,37	1,48	1,62	1,69
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.853	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	129	129	129	129
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,050	0,050	0,050	0,050
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,28	1,40	1,54	1,61
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.85400 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (15 x 10 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.854	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	106	106	106	106
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,18	1,27	1,39	1,44
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.854	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	108	108	108	108
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,043	0,043	0,043	0,043
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,20	1,31	1,43	1,50
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.85500 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (17,5 x 10 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 17,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.855	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	91	91	91	91
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,13	1,22	1,34	1,39
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.855	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	93	93	93	93
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,038	0,038	0,038	0,038
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,16	1,26	1,39	1,44
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.85700 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (25 x 10 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 25 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.857	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	64	64	64	64
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,03	1,11	1,21	1,26
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.857	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	66	66	66	66
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,03	0,03	0,03	0,03
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,05	1,14	1,26	1,32
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.86100 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (7,5 x 20 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 7,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.861	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	109	109	109	109
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,035	0,035	0,035	0,035
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,20	1,31	1,43	1,50
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.861	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	104	104	104	104
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,077	0,077	0,077	0,077
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,17	1,26	1,38	1,43
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.86200 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (10 x 20 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 10 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.862	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	82	82	82	82
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,035	0,035	0,035	0,035
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,12	1,22	1,35	1,40
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.862	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	80	80	80	80
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,060	0,060	0,060	0,060
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,10	1,19	1,31	1,36
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.86300 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (12,5 x 20 x 60)cm
Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 12,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.863	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	65	65	65	65
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,035	0,035	0,035	0,035
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,04	1,12	1,22	1,27
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.863	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	64	64	64	64
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,050	0,050	0,050	0,050
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,03	1,11	1,21	1,26
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.86400 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (15 x 20 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 15 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.864	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	54	54	54	54
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,034	0,034	0,034	0,034
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,00	1,07	1,18	1,22
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.864	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	54	54	54	54
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,043	0,043	0,043	0,043
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,00	1,07	1,18	1,22
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80

AE.86500 XÂY TƯỜNG THẲNG GẠCH AAC (17,5 x 20 x 60)cm

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 17,5 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.865	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	47	47	47	47
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,035	0,035	0,035	0,035
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,96	1,04	1,13	1,19
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				10	20	30	40

Đơn vị tính: 1m³

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày 20 (cm)			
				Chiều cao (m)			
				≤ 6	≤ 28	≤ 100	≤ 200
AE.865	Xây tường thẳng	<i>Vật liệu</i>					
		Gạch	viên	46	46	46	46
		Vữa xây bê tông nhẹ	m ³	0,038	0,038	0,038	0,038
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	0,96	1,04	1,13	1,19
		<i>Máy thi công</i>					
		Vận thăng lồng 3 t	ca	-	0,012	0,025	0,031
		Cần trục tháp 25 t	ca	-	0,012	0,025	-
		Cần trục tháp 40 t	ca	-	-	-	0,031
		Máy khác	%	-	0,5	0,5	0,5
				50	60	70	80